

THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC CỬ NHÂN THỂ DỤC THỂ THAO CHUYÊN NGÀNH BÓNG BÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TS. Hồ Mạnh Trường¹

Tóm tắt: Bằng phương pháp phỏng vấn, điều tra khảo sát và phương pháp toán học thống kê trên đối tượng là sinh viên chuyên ngành Bóng bàn, tác giả đi tìm hiểu thực trạng nguồn nhân lực cử nhân thể dục thể thao (TĐTT) chuyên ngành Bóng bàn trường đại học TĐTT Bắc Ninh (ĐHTĐTT BN).

Từ khoá: Thực trạng, nguồn nhân lực, cử nhân TĐTT, chuyên ngành Bóng bàn, trường đại học TĐTT Bắc Ninh....

Summary: By interviews, surveys and mathematical and statistical procedure on the students are majoring in Table tennis, the author who find out the reality of human resources with a bachelor's degree in physical training and sport majoring in Table tennis, Bacninh University of Sport.

Keywords: The reality, human resources, bachelor of Physical education, majoring in Table tennis, Bacninh University of Sport....

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2160/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với quan điểm: “Tăng cường đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao”; “Phát triển giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trường học”; “Phát triển các CLB thể dục, thể thao cấp cơ sở” là 3 trong số 8 đề án cần xây dựng và hoàn thiện để đến năm 2030, thể dục, thể thao cơ bản được phát triển đồng đều giữa các đối tượng, rộng khắp giữa các vùng, miền, các địa phương trong cả nước, góp phần nâng cao sức khỏe và tuổi thọ của người Việt Nam, vì sự nghiệp dân cường, nước thịnh.

Như vậy, các văn bản của Đảng, Nhà nước đều định hướng rõ quan điểm, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực thể dục, thể thao theo hướng: đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế.

Vì vậy, việc đánh giá đúng thực trạng nguồn nhân lực cử nhân TĐTT nói chung và cử nhân chuyên ngành Bóng bàn Trường đại học TĐTT Bắc Ninh nói riêng là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn, tọa đàm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Để đánh giá được thực trạng nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Bóng bàn Trường đại học TĐTT Bắc Ninh. Qua việc tổng hợp số liệu của Khoa huấn luyện thể thao (HLTT), Khoa GDTC, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế của Nhà trường, chúng tôi tiến hành điều tra số lượng sinh viên chuyên ngành Bóng bàn được đào tạo từ trường Đại học TĐTT Bắc Ninh ở ngành HLTT & ngành GDTC từ khóa Đại học K44 đến khóa Đại học K51 theo những đặc điểm sau: Tỷ lệ nhập học, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ giới tính và tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của các khóa.

2.1. Tỷ lệ sinh viên chuyên ngành Bóng bàn nhập học và tốt nghiệp - Trường đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh

Kết quả thống kê tỷ lệ sinh viên nhập học so với sinh viên tốt nghiệp ra trường của sinh viên chuyên ngành chuyên ngành Bóng bàn ngành HLTT và GDTC các khóa Đại học 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50 và 51 trường ĐHTĐTT BN. Kết quả được thể hiện qua bảng 1

Qua bảng 1 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên lựa chọn chuyên ngành Bóng bàn ngành GDTC (154 sinh viên) cao hơn hẳn so với Tỷ lệ sinh viên lựa chọn chuyên ngành Bóng bàn ngành HLTT (80 sinh viên) ở 8 khóa Đại học (chiếm Tỷ lệ 65.81% của ngành GDTC so với 34.19% của ngành HLTT).

Tuy Tỷ lệ nhập học của sinh viên chuyên ngành Bóng bàn ngành GDTC cao hơn so với ngành HLTT, nhưng Tỷ lệ tốt nghiệp 100% của sinh viên chuyên ngành Bóng bàn ngành HLTT lại cao hơn so với ngành GDTC (71.43% của ngành HLTT so với 12.5% của ngành GDTC).

Đối với ngành GDTC, cử nhân tốt nghiệp đa số sẽ trở thành giáo viên giảng dạy môn GDTC trong hệ thống giáo dục quốc dân ở các cấp bậc học, chính vì vậy nhu cầu nguồn nhân lực này sẽ lớn hơn so với ngành HLTT.

2.2. Đặc điểm giới tính và xếp loại tốt nghiệp của cử nhân TĐTT chuyên ngành Bóng bàn Trường đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tiến hành khảo sát tỷ lệ giới tính và xếp loại tốt nghiệp của sinh viên chuyên ngành Bóng bàn của 8 khóa Đại học. Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Về giới tính: Với đặc thù là trường chuyên ngành về TĐTT nên tỷ lệ nữ sinh viên chuyên ngành Bóng bàn học ít hơn so với nam, chiếm tỷ lệ 24.82% trên tổng 08 khóa đối với ngành GDTC và 20% đối với ngành HLTT. Tỷ lệ sinh viên nữ đang có xu hướng giảm dần, nếu không khắc phục sẽ dẫn đến sự thiếu hụt nguồn nhân lực nữ TĐTT.

Về xếp loại tốt nghiệp: Cử nhân TĐTT chuyên ngành Bóng bàn ngành HLTT đa số tốt nghiệp đạt loại giỏi và khá, đặc biệt là tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp khá (chiếm tỷ lệ lần lượt là 25.72% và 58.57%). Đối với ngành GDTC thì tỷ lệ là: Giỏi chiếm 25.53% và

**Bảng 1. Tỷ lệ sinh viên chuyên ngành bóng bàn nhập học và tốt nghiệp
Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh**

Ngành học		Khóa Đại học															
		44 (n=33)		45 (n=44)		46 (n=39)		47 (n=36)		48 (n=26)		49 (n=25)		50 (n=17)		51 (n=13)	
		mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%
GDTC	Nhập học	21	63.63	28	63.63	21	53.85	15	38.89	21	80.77	20	80	17	100	11	84.62
	Tốt nghiệp	19	90.47	28	100	19	90.47	14	93.33	18	85.71	18	90	15	88.23	10	90.90
HLTT	Nhập học	12	36.37	16	36.37	18	46.15	22	61.11	5	19.23	5	20	0	0.0	2	15.38
	Tốt nghiệp	12	100	14	87.50	18	100	14	63.63	5	100	5	100	0	0.0	2	100

**Bảng 2. Đặc điểm giới tính và xếp loại tốt nghiệp của cử nhân TDDT chuyên ngành bóng bàn
Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh**

Ngành học	Khóa	Giới tính				Xếp loại tốt nghiệp							
		Nam		Nữ		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB Khá	
		mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%
GDTC	44 n=19	10	52.63	9	47.37	1	5.26	6	31.58	12	63.16	0	0.0
	45 n=28	17	60.71	11	39.29	0	0.0	6	21.43	18	64.29	4	14.28
	46 n=19	15	78.95	4	21.05	1	5.26	4	21.06	13	68.42	1	5.26
	47 n=14	11	78.57	3	21.43	1	7.14	3	21.43	8	57.15	2	14.28
	48 n=18	15	83.33	3	16.67	0	0.0	3	16.67	13	72.22	2	11.11
	49 n=18	17	94.44	1	5.56	1	5.56	4	22.22	10	55.56	3	16.66
	50 n=15	12	80.0	3	20.0	1	6.67	6	40.0	8	53.33	0	0.0
	51 n=10	9	90.0	1	10.0	0	0.0	3	30.0	6	60.0	1	10.0
Tổng	141	106	75.18	35	24.82	5	3.55	36	25.53	88	62.41	12	8.51

Bảng 3. Đặc điểm việc làm của cử nhân TDTT chuyên ngành bóng bàn ngành HLTT và ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Năm	Khóa	Số SV tốt nghiệp	Số sinh viên đã có việc làm								Số SV chưa có việc làm	
			Ngành TDTT		Ngành Giáo dục		Ngành khác		Hướng dẫn viên bóng bàn			
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2012	44	31	12	38.71	14	45.16	5	16.13	0	0.0	0	0.0
2013	45	42	13	30.95	17	40.48	3	7.15	5	11.90	4	9.52
2014	46	37	11	29.73	15	40.54	4	10.81	3	8.11	4	10.81
2015	47	28	9	32.15	11	39.29	3	10.71	2	7.14	3	10.71
2016	48	23	5	21.74	7	30.44	2	8.70	3	13.04	6	26.08
2017	49	23	7	30.44	8	34.77	1	4.35	2	8.70	5	21.74
2018	50	15	4	26.67	5	33.33	0	0.0	4	26.67	2	13.33
2019	51	12	2	16.67	5	41.66	0	0.0	2	16.67	3	25.00
Tổng		211	63	29.86	82	38.86	18	8.53	21	9.95	27	12.80

khá là 62.41%. Số lượng sinh viên đạt loại xuất sắc và trung bình khá chỉ chiếm số ít: Đối với ngành HLTT, tỷ lệ đạt xuất sắc là: 5.71%, tỷ lệ trung bình khá là: 10.0%. Còn đối với ngành GDTC tỷ lệ đạt xuất sắc là: 3.55%, tỷ lệ trung bình khá là: 8.51%.

2.3. Đặc điểm việc làm của cử nhân TDTT chuyên ngành Bóng bàn trường ĐHTDTT BN

Ngoài ra, để tìm hiểu rõ hơn về đặc điểm của cử nhân TDTT chuyên ngành Bóng bàn, chúng tôi tiến hành khảo sát đặc điểm việc làm của sinh viên chuyên ngành Bóng bàn sau khi tốt nghiệp ra trường. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Kết quả khảo sát cho thấy, môi trường làm việc trong cơ quan nhà nước vẫn là nơi có sức thu hút mạnh mẽ đối với các sinh viên mới tốt nghiệp khi có đến 77.25% cử nhân ở 8 khóa đang làm việc trong khu vực này (các cơ quan hành chính sự nghiệp nhà nước, các trường ở các cấp học khác nhau). Trong đó, số sinh viên công tác trong lĩnh vực Giáo dục chiếm tỷ lệ cao nhất, với 38.86%. Tiếp đến là tỷ lệ sinh viên công tác trong lĩnh vực ngành TDTT chiếm 29.86% và 8.53% là tỷ lệ sinh viên công tác trong các ngành khác như: lực lượng vũ trang, ngân hàng, dầu khí...

Bên cạnh đó, vẫn còn số lượng sinh viên làm ngoài nhà nước cũng như chưa có việc làm chiếm tỷ lệ lần lượt là: 9.95% và 12.80%.

3. KẾT LUẬN

- Thông qua nghiên cứu cho thấy: Tỷ lệ sinh viên lựa chọn học chuyên ngành Bóng bàn ngành GDTC cao hơn hẳn so với tỷ lệ sinh viên lựa chọn chuyên ngành Bóng bàn ngành HLTT.

- Cử nhân TDTT chuyên ngành Bóng bàn ngành HLTT và ngành GDTC đa số tốt nghiệp đạt loại giỏi và khá (đối với ngành HLTT, tỷ lệ lần lượt là: 25.72% và 58.57%; đối với ngành GDTC, tỷ lệ lần lượt là: 25.53% và 62.41%)

- Tỷ lệ sinh viên chuyên ngành Bóng bàn (8 khóa) sau khi tốt nghiệp làm việc trong các cơ quan Nhà nước chiếm 77.25%. Tuy nhiên, vẫn còn

số lượng sinh viên làm ngoài nhà nước cũng như chưa có việc làm chiếm tỷ lệ lần lượt là: 9.95% và 12.80%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013), Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Lưu Quang Hiệp (2013), Thực trạng và nhu cầu nguồn nhân lực thể thao đến năm 2020 các Tỉnh phía Bắc, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Nguyễn Hiệp (2013), Đánh giá thực trạng và nhu cầu nguồn nhân lực thể thao đến năm 2020 ở các Tỉnh phía Nam, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Số liệu thống kê của Khoa Giáo dục thể chất, Khoa HLTT, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của trường ĐHTDTT BN.

NGUỒN BÀI BÁO: Trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài cơ sở “Thực trạng và giải pháp đáp ứng nhu cầu đào tạo cử nhân TDTT chuyên ngành Bóng bàn trường ĐHTDTT BN đến năm 2025 và tầm nhìn 2030”, Hồ Mạnh Trường, Đại học TDTT Bắc Ninh, 2021.



Ảnh minh họa